TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 8 - AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 18/7/2025
V/v Xin ly hôn và nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 – AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Pho.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Đạt.

2. Bà Dương Thị Thu Hằng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nhi là Thẩm tra viên Tòa án nhân dân khu vực 8 – An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 – An Giang tham gia phiên tòa: Thuộc trường hợp không tham gia.

Trong ngày ngày 18 tháng 7 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 8 – An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 147/2025/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 5 năm 2025 về việc: "Xin ly hôn và nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 79/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 24/6/2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Võ Thị Ngọc H**, sinh năm 1985. Địa chỉ: Tổ 4, ấp Hoà Lập, xã K, tỉnh An Giang.

2. Bị đơn: Ông **Nguyễn Văn T**, sinh năm 1981. Địa chỉ: Tổ 4, ấp Hoà Lập, xã K, tỉnh An Giang.

(Bà H có mặt, ông T có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Bà Võ Thị Ngọc H trình bày và yêu cầu như sau:

Về hôn nhân: Tôi và ông Nguyễn Văn T tổ chức đám cưới vào năm 2002 và sống chung với nhau nhưng không đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn không thể hàn gắn được, vợ chồng đã ly thân

trên 02 năm. Nay tôi thấy cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc nên tôi yêu cầu ly hôn ông Nguyễn Văn T.

Về con chung: Có 03 con chung là Nguyễn Hữu L, sinh ngày 09/9/2003, Nguyễn Hữu P, sinh ngày 10/11/2005 và Nguyễn Văn H, sinh ngày 08/8/2013. Cháu L và cháu P đã thành niên nên không yêu cầu Toà án giải quyết, cháu H hiện đang sống với tôi. Sau khi ly hôn tôi đồng ý giao cháu H cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành, tôi không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có nợ chung.

- Ông Nguyễn Văn T trình bày:

Về hôn nhân: Tôi và bà Võ Thị Ngọc H sống chung với nhau từ năm 2002 nhưng không đăng ký kết hôn. Bà H đã dẫn con là Nguyễn Văn H bỏ nhà đi trên 02 năm rồi. Nay bà H yêu cầu ly hôn thì tôi đồng ý ly hôn.

Về con chung: Có 03 con chung là Nguyễn Hữu L, sinh ngày 09/9/2003, Nguyễn Hữu P, sinh ngày 10/11/2005 và Nguyễn Văn H, sinh ngày 08/8/2013. Cháu L và cháu P đã thành niên nên không yêu cầu Toà án giải quyết, cháu H hiện đang sống với bà H, tôi yêu cầu được nuôi dưỡng cháu H, không yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: không có nợ chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật: Bị đơn ông Nguyễn Văn T có nơi cư trú tại tổ 4, khu phố Hoà Lập, xã K, tỉnh An Giang. Căn cứ khoản 1 Điều 4 Nghị quyết số: 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025 của Ủy ban thường vụ Quốc hội nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 8, tỉnh An Giang. Đối với quan hệ hôn nhân của vợ chồng thì áp dụng Luật Hôn nhân và gia đình để xem xét, giải quyết.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Ông Nguyễn Văn T có đơn xin vắng mặt nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét về quan hệ hôn nhân: Bà Võ Thị Ngọc H và ông Nguyễn Văn T chung sống với nhau từ năm 2002 nhưng không thực hiện thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Do đó, hôn nhân giữa bà H và ông T đã vi phạm Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình. Điều 9 quy định: "*1. Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch. Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý; 2. Vợ chồng đã ly hôn muốn xác lập lại quan hệ vợ chồng thì phải đăng ký kết hôn".* Bà H và ông T là những người có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình nhưng chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn, do đó không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng theo quy định Điều 14 của Luật Hôn nhân và gia đình. Điều 14 quy định: "*Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Quyền, nghĩa vụ đối với con, tài sản, nghĩa vụ và hợp đồng giữa các bên được giải quyết theo quy định tại Điều 15 và Điều 16 của Luật này…".* Tuy bà H và ông T thuận tình ly hôn nhưng xét thấy hôn nhân giữa bà H và ông T không có đăng ký kết hôn, nên không chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà H mà tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà H và ông T theo quy định tại Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình. Điều 53 quy định: "*1. Tòa án thụ lý đơn yêu cầu ly hôn theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự; 2. Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 điều 14 của Luật này; nếu có yêu cầu về con và tài sản thì giải quyết theo quy định tại Điều 15 và Điều 16 của Luật này."*

[4] Về con chung: Ông, bà có 03 con là Nguyễn Hữu L, sinh ngày 09/9/2003, Nguyễn Hữu P, sinh ngày 10/11/2005 và Nguyễn Văn H, sinh ngày 08/8/2013. Cháu L và cháu P đã trưởng thành, không bị hạn chế năng lực hành vi dân sự nên ông, bà không yêu cầu Toà án giải quyết. Ông, bà thỏa thuận giao cháu H cho ông T nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành, ông T không yêu cầu cấp dưỡng, sự thỏa thuận này cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu H nên ghi nhận.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

[6] Về án phí: Do bà H có yêu cầu xin ly hôn nên phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

***Vì caùc leõ treân*,**

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Các Điều 147, 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Các Điều 9, 14, 53, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Nghị quyết số: 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

- Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Võ Thị Ngọc H và ông Nguyễn Văn T.

- Về con chung: Giao cháu Nguyễn Văn H, sinh ngày 08/8/2013 cho ông T nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi), ông T không yêu cầu bà H cấp dưỡng nên ghi nhận.

Không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

- Về nợ chung, tài sản chung: Không yêu cầu nên không xem xét.

- Về án phí sơ thẩm: Buộc bà H phải chịu số tiền án phí là 300.000 đồng. Sau khi khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo lai thu số 0015713 ngày 27/5/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Kiên Giang (nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 8, tỉnh An Giang), nên bà H không phải nộp thêm.

- Về quyền kháng cáo: Bà H được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Ông T được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND tỉnh An Giang;
- THADS tỉnh An Giang;
- VKSND khu vực 8 – An Giang;
- Những người TGTT;
- Lưu tập án, Hồ sơ;
- Lưu VP./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Pho